TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1360/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Nguyễn Thùy Trang

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại cơ sở 2 Toà án nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 11/2/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2025/QĐXXST-DS ngày 30/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/QĐST-DS ngày 20/8/2025 và Thông báo không tiến hành phiên tòa số 235/2025/TB-TA ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (Q); Địa chỉ trụ sở: Tầng s (tầng a) và Tầng b, Tòa nhà R – 111A đường P, phường Q, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H Đ V - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 051654.25 ngày 27/02/2025) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông V Đ M, sinh năm 1976 và bà N T H H, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: 423/38 đường L, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông M, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2025 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án Ông H Đ V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/5/2021, Ông V Đ M và bà N T H H có ký với Ngân hàng TMCP Q (Q) hợp đồng tín dụng: 3236912.21 ngày 14/5/2021 với nội dung: Q cho Ông V Đ

M và bà N T H H vay số tiền: 1.080.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô; Thời hạn vay: 72 tháng: Lãi suất vay: 8.9%/năm; Ngày trả lãi: Vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 30/06/2021.

Ngày 17/5/2021, Q đã giải ngân cho Ông V Đ M và bà N T H H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 3236912(1).21 với số tiền 1.080.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 20/5/2021, Q đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Ông V Đ M, chi tiết như sau: số tài khoản thẻ: 000000000456020; Loại thẻ: Q Zero Interest Rate; Hạn mức: 50.000.000 đồng; Lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông V Đ M và bà N T H H đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ TD, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 30/12/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 30/9/2025, Ông V Đ M và bà N T H H đã thanh toán cho Q số tiền là đồng 713.677.496 đồng (trong đó: gốc là 450.017.958 đồng, lãi là 263.659.538 đồng) và còn nợ số tiền là: 940.133.445 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó đối với Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ký ngày 14/5/2021 gồm: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783 đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng, Tổng: 887.034.651 đồng; và đối với Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) gồm: Nợ gốc: 21.885.397 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0, Nợ lãi quá hạn: 11.029.590 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng, Tổng: 53.098.794 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng của Ông M, bà H đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ TD gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Q đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu đối với bị đơn:

- Buộc Ông V Đ M và bà N T H H thanh toán cho Q số tiền là 940.133.445đồng(Chín trăm bốn mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ký ngày 14/5/2021 gồm: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng, Tổng: 887.034.651đồng; và Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) gồm: Nợ gốc: 21.885.397 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0, Nợ lãi quá hạn: 11.029.590 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng, Tổng: 53.098.794 đồng. Ông V Đ M, bà N T H H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi Ông M, bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Q xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với với khoản vay thẻ tại tờ Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020), Q chỉ yêu cầu Ông V Đ M thanh toán khoản nợ thẻ gồm: Nợ gốc: 21.885.397 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0, Nợ lãi quá hạn: 11.029.590đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng, Tổng: 53.098.794 đồng. Ông V Đ M phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi Ông M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo quy định tại Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế đã ký. Đối với các yêu cầu còn lại Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Ông V Đ M và bà N T H H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn chậm đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Ông V Đ M và bà N T H H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ngày 14/5/2021 tính đến ngày 30/9/2025 là: 887.034.651 đồng (trong đó: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783 đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng).

Buộc Ông V Đ M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Đề nghị phát hành thẻ tín dụng (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) tính đến ngày 30/9/2025: 53.098.794 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 01/10/2025 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q và Ông V Đ M và bà N T H H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là Ông V Đ M và bà N T H H có nơi cư trú tại 423/38 đường L, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn Ông V Đ M và bà N T H H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ của vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như không có văn bản phản hồi đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản khoản 2 Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử sử dụng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Q có yêu cầu Tòa án buộc Ông V Đ M và bà N T H H phải trả số tiền đối với khoản vay thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Q xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với khoản vay thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020), Q chỉ Ông V Đ M phải trả nợ đối với khoản vay này. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu nêu trên của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vượt qua phạm vi yêu cầu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ngày 14/5/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với Ông V Đ M và bà N T H H, theo đó Ông V Đ M và bà N T H H vay của Q số tiền: 1.080.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô; Thời hạn vay: 72 tháng: Lãi suất vay: 8.9%/năm. Q đã giải ngân cho Ông M và bà H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 3236912(1).21 với số tiền 1.080.000.000 đồng. Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ TD

quốc tế, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho Ông V Đ M, số tài khoản thẻ: 000000000456020; Loại thẻ: Q Zero Interest Rate; Hạn mức: 50.000.000 đồng.

Thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ngày 14/5/2021, tính đến ngày 30/9/2025, Ông V Đ M và bà N T H H đã thanh toán cho Q số tiền là đồng 713.677.496đồng (trong đó: gốc là 450.017.958 đồng, lãi là 263.659.538đồng).

Đối với Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ký ngày 14/5/2021, Ông M và bà H còn nợ Q tạm tính 30/9/2025 số tiền 887.034.651 đồng (trong đó: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783 đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng.

Đối với Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020): Ông M còn nợ Q tạm tính 30/9/2025 số tiền: 53.098.794 đồng. Trong đó, nợ gốc: 21.885.397 đồng, nợ lãi trong hạn: 0, nợ lãi quá hạn: 20.183.807đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ông V Đ M và bà N T H H đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 30/12/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy các Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Q khởi kiện yêu cầu Ông M và bà H thanh toán khoản nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ký ngày 14/5/2021 và yêu cầu Ông M thanh toán khoản nợ đối với Đề nghị phát hành thẻ TD quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 30/12/2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông V Đ M và bà N T H H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ngày 14/5/2021 tính đến ngày 30/9/2025 là: 887.034.651 đồng, gồm: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783 đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng). Buộc Ông V Đ M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) tính đến ngày 30/9/2025: 53.098.794 đồng, gồm: Nợ gốc: 21.885.397 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0, Nợ lãi quá hạn: 11.029.590đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 01/10/2025 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án Dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q

Buộc Ông V Đ M và bà N T H H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Hợp đồng tín dụng số 3236912.21 ngày 14/5/2021 tính đến ngày 30/9/2025 là: 887.034.651 đồng, gồm: Nợ gốc: 629.982.024 đồng, Nợ lãi trong hạn: 13.114.783 đồng, Nợ lãi quá hạn: 239.172.323 đồng, Phí/Lãi chậm trả: 4.765.503 đồng).

Buộc Ông V Đ M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền của Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Số tài khoản thẻ: 000000000456020) tính đến ngày 30/9/2025: 53.098.794 đồng, gồm: Nợ gốc: 21.885.397 đồng, Nợ lãi trong hạn: 0, Nợ lãi quá hạn: 11.029.590đồng, Phí/Lãi chậm trả: 20.183.807 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 01/10/2025 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký.

2. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V Đ M, bà N T H H phải chịu án phí là 38.611.040 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Ông V Đ M phải chịu án phí là 2.654.940đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.172.492 đồng (Mười tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050428 ngày 21/01/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND khu vực 3;
- Chi cục THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân